



BẢNG ĐIỂM THI GIỮA KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Advanced Listening - 1105015

Giám thị 1: Trương T.N. Thu Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 110501501

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____ Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1610130062	Ngô Phương Anh	29/08/1997	<u>Ngô</u>	4,7	Bốn bảy	C18TA	
2	1610130034	Nguyễn Huỳnh Ngọc Anh	11/05/1998	<u>Nh</u>	6,0	Sáu không	C18TA	
3	1510130059	Nguyễn Thị Vân Anh	19/4/1995	<u>Nh</u>	4,0	Bốn không	C17TA	Nợ HP
4	1310130013	Nguyễn Hoàng Chương	15/06/1994	<u>Hoàng</u>	2,3	Hai ba	C16TA	
5	1610130033	Cao Thị Thúy Hằng	06/03/1998	<u>Hằng</u>	4,0	Bốn không	C18TA	
6	1610130068	Đặng Thị Thảo Hiền	20/12/1998	<u>Hiền</u>	3,3	Ba ba	C18TA	
7	1410130052	Nguyễn Tuấn Hoàng	27/12/1994	<u>Hoàng</u>	7,8	Bảy tám	C16TA	
8	1410130018	Nguyễn Thị Hồng Hòa	08/01/1996	<u>Hòa</u>	5,5	Năm năm	C16TA	
9	1610130041	Thới Thị Kim Hương	14/07/1998	<u>Hương</u>	2,6	Hai sáu	C18TA	
10	1610130059	Đặng Đại Lộc	19/6/1998	<u>Lộc</u>			C18TA	
11	1410130047	Lê Hiền Mai	12/04/1995	<u>Mai</u>	6,0	Sáu không	C16TA	
12	1610130035	Lợi Thị Ngọc Mai	16/11/1998	<u>Mai</u>	5,5	Năm năm	C18TA	
13	1410130007	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	10/05/1996	<u>Nhi</u>	5,2	Năm hai	C16TA	
14	1610130049	Nguyễn Thị Thùy Như	26/09/1998	<u>Như</u>	7,5	Bảy năm	C18TA	
15	1610130044	Huỳnh Thị Kiều Oanh	19/04/1998	<u>Oanh</u>	6,0	Sáu không	C18TA	
16	1610130054	Nguyễn Dương Nguyệt Thảo	16/05/1993	<u>Thảo</u>			C18TA	
17	1610130056	Phạm Thị Phương Thảo	08/02/1996	<u>Thảo</u>	5,0	Năm không	C18TA	
18	1410130026	Mai Thị Thơ	10/01/1996	<u>Thơ</u>	8,5	Tám năm	C16TA	
19	1610130043	Lê Thị Thanh Thúy	05/10/1998	<u>Thúy</u>	5,5	Năm năm	C18TA	
20	1610130064	Nguyễn Kim Tiên	18/11/1998	<u>Tiên</u>	4,0	Bốn không	C18TA	
21	1410130030	Phan Thị Cẩm Tiên	19/9/1996	<u>Tiên</u>	5,5	Năm năm	C16TA	
22	1610130071	Phan Ngọc Đoàn Trinh	07/06/1997	<u>Trinh</u>	6,0	Sáu không	C18TA	
23	1410130040	Nguyễn Diễm Trúc	15/08/1996	<u>Trúc</u>	5,5	Năm năm	C16TA	
24	1610130046	Trương Hạnh Túc	06/07/1998	<u>Túc</u>	6,1	Sáu một	C18TA	
25	1410130042	Nguyễn Bình Yên	07/02/1996	<u>Yên</u>	8,0	Tám không	C16TA	

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: HKI (2017 - 2018)

Môn học: Advanced Listening

Mã bài thi: 4IEXR3

Thời gian thi: 19/12/2017 13:30:00

Thời gian kết thúc: 19/12/2017 14:15:00

Giám thị 1: Ngô Văn Quang Ký tên: _____Giám thị 2: Thái Văn Hà Ký tên: Thái Văn Hà

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1510130059	Nguyễn Thị Vân Anh	19/04/1995		5.5		C17TA	
2	1610130034	Nguyễn Huỳnh Ngọc Anh	11/05/1998		3.4		C18TA	
3	1610130062	Ngô Phương Anh	29/08/1997		2.35		C18TA	
4	1310130013	Nguyễn Hoàng Chương	15/06/1994		2.9		C15TA1	
5	1610130033	Cao Thị Thúy Hằng	06/03/1998		1.15		C18TA	
6	1610130068	Đặng Thị Thảo Hiền	20/12/1998		1.95		C18TA	
7	1410130018	Nguyễn Thị Hồng Hòa	08/01/1996		3.6		C16TA	
8	1410130052	Nguyễn Tuấn Hoàng	27/12/1994		5.9		C16TA	
9	1610130041	Thới Thị Kim Hương	14/07/1998		1.55		C18TA	
10	1610130059	Đặng Đại Lộc	19/06/1998		6.35		C18TA	
11	1610130035	Lợi Thị Ngọc Mai	16/11/1998		1.55		C18TA	
12	1410130047	Lê Hiền Mai	12/04/1995		4.5		C16TA	
13	1410130007	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	10/05/1996		4.8		C16TA	
14	1610130049	Nguyễn Thị Thùy Như	26/09/1998		3.15		C18TA	
15	1610130044	Huỳnh Thị Kiều Oanh	19/04/1998		3.55		C18TA	
16	1610130056	Phạm Thị Phương Thảo	02/08/1996		2.55		C18TA	
17	1410130026	Mai Thị Thơ	10/01/1996		6.05		C16TA	
18	1610130043	Lê Thị Thanh Thúy	05/10/1998		2.9		C18TA	
19	1410130030	Phan Thị Cẩm Tiên	19/09/1996		4.15		C16TA	
20	1610130064	Nguyễn Kim Tiên	18/11/1998		3.2		C18TA	
21	1610130071	Phan Ngọc Đoàn Trinh	07/06/1997		6.55		C18TA	
22	1410130040	Nguyễn Diễm Trúc	15/08/1996		2.8		C16TA	
23	1610130046	Trương Hạnh Túc	06/07/1998		4.05		C18TA	
24	1410130042	Nguyễn Bình Yên	07/02/1996		6.15		C16TA	

Số sinh viên dự thi: 24

Số sinh viên đạt: 10

Ngày ____ tháng ____ năm 2017

L. TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phú Oanh

Ngày ____ tháng ____ năm 2017

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

(ký & ghi rõ họ tên)

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH